

Số: *476* /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày *12* tháng *8* năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc giao số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và Trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn tỉnh năm học 2025-2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là hợp đồng 111); sau khi báo cáo và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại phiên họp ngày 11/8/2025; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định giao số lượng hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) trên địa bàn tỉnh năm học 2025-2026. Cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH; ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG 111 CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP

1. Thực trạng trường, lớp, học sinh

a) Tổng số trường trên địa bàn tỉnh là: 914 trường, trong đó chia theo cấp học như sau:

- Trường mầm non: 311 trường;
- Trường tiểu học: 236 trường;
- Trường trung học cơ sở: 289 trường, trong đó có 119 trường tiểu học và trung học cơ sở;
- Trường trung học phổ thông: 60 trường, trong đó có 10 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Trung tâm GDNN-GDTX: 16 trung tâm.
- Trung tâm giáo dục thường xuyên: 02 trung tâm.

b) Số lớp, số học sinh:

- Cấp mầm non: **3.486** lớp mẫu giáo, nhóm trẻ (giữ nguyên như thực trạng), với **81.903** cháu, gồm: Nhà trẻ 13.105 trẻ, mẫu giáo: 68.798 cháu.

- Cấp tiểu học: **5.771** lớp (giảm 20 lớp do ghép lớp đôi với một số lớp có tỷ lệ học sinh/lớp không đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo), với **156.124** học sinh.

- Cấp trung học cơ sở: **3.257** lớp (giảm 05 lớp do ghép lớp đối với một số lớp có tỷ lệ học sinh/lớp không đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo), với **121.550** học sinh.

- Cấp trung học phổ thông: **1.574** lớp (giữ nguyên như thực trạng) với **64.019** học sinh, gồm: Trường phổ thông: 1.417 lớp, với 57.897 học sinh; trung tâm GDNN-GDTX: 157 lớp với 6.122 học sinh.

2. Thực trạng số người làm việc được giao năm 2025 và định mức số người làm việc năm học 2025-2026

a) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo¹: **32.109** người, trong đó: 2.432 cán bộ quản lý, 25.528 giáo viên, 4.149 nhân viên.

b) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được HĐND tỉnh giao năm 2025 (trước ngày 01/01/2026)²: **28.950** người, trong đó được phân bổ như sau: 2.317 cán bộ quản lý, 23.729 giáo viên, 2.904 nhân viên.

Như vậy, số giao so với định mức thiếu **3.159** người, trong đó: 115 cán bộ quản lý, 1.799 giáo viên, 1.245 nhân viên do thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình được Trung ương ấn định từ năm 2015 đến nay; tăng quy mô số lớp, số học sinh nhưng chưa được Trung ương bổ sung đủ định mức quy định; tăng định mức số người làm việc của một số vị trí việc làm như giáo vụ, tư vấn học sinh trong các trường phổ thông công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phần còn thiếu này là căn cứ để xem xét bổ sung hợp đồng 111 đối với các vị trí vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

3. Tình hình thực hiện hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ

Thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ, HĐND tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (trước hợp nhất) đã giao 1.203 chỉ tiêu hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ (tỉnh Quảng Bình 930 chỉ tiêu, tỉnh Quảng Trị 273 chỉ tiêu), trong đó:

- Chia theo cấp học như sau:
- + Cấp mầm non: 242 chỉ tiêu;
- + Cấp tiểu học: 425 chỉ tiêu;
- + Cấp trung học cơ sở: 370 chỉ tiêu;

¹ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

² Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (trước khi hợp nhất) về việc quyết định biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025 của tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị (trước hợp nhất) về chỉ tiêu biên chế công chức, số người làm việc và hợp đồng 111 năm 2025;

+ Cấp trung học phổ thông: 166 chỉ tiêu.

Trên cơ sở chỉ tiêu được HĐND tỉnh giao, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện phân bổ cho từng trường. Các trường đã thực hiện ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thực hiện tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước:

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, Tỉnh ủy Quảng Bình và Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026³. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (trước hợp nhất) đã phê duyệt lộ trình tinh giản biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2026 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng phải tinh giản biên chế theo quy định với **3.910** chỉ tiêu, trong đó: Tỉnh Quảng Bình 2.303 chỉ tiêu, tỉnh Quảng Trị 1.607 chỉ tiêu (bằng với số Trung ương ấn định giảm tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương), tương ứng với 10,0% số biên chế được giao năm 2021.

Đến nay, đã thực hiện giảm được **2.826** chỉ tiêu (tỉnh Quảng Bình 1.737 chỉ tiêu, tỉnh Quảng Trị 1.089 chỉ tiêu), đạt **7,2%** so với số giao năm 2021, đạt 72,3% so với kế hoạch đến năm 2026; còn **1.084** chỉ tiêu phải thực hiện đến năm 2026 (tỉnh Quảng Bình 566 chỉ tiêu, tỉnh Quảng Trị 518 chỉ tiêu), trong đó chủ yếu là sự nghiệp giáo dục 984 chỉ tiêu (tỉnh Quảng Bình 516 chỉ tiêu, tỉnh Quảng Trị 468 chỉ tiêu), chiếm 91,6% số phải giảm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG 111 CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP

1. Ưu điểm

a) Việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ đã cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ dạy và học của các cơ sở giáo dục công lập, đặc biệt là trong bối cảnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 với yêu cầu đổi mới về phương pháp giảng dạy và cơ cấu môn học.

b) Công tác quản lý, sử dụng số người làm việc và hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ được kiểm soát chặt chẽ, đúng với các quy định của Trung ương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc rà soát, phân bổ và theo dõi sử dụng số người làm việc và hợp đồng 111 được

³ Kế hoạch số 90-KH/TU ngày 26/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình (trước hợp nhất) về việc quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Kế hoạch số 78-KH/TU ngày 14/12/2022 của Tỉnh ủy Quảng Trị (trước hợp nhất) về quản lý, sử dụng biên chế giai đoạn 2022-2026.

thực hiện thường xuyên, đảm bảo đúng quy định.

c) Việc thực hiện chính sách hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập đã tạo thêm cơ chế linh hoạt cho các cơ sở giáo dục trong bố trí, sử dụng nhân lực, phù hợp với đặc thù ngành giáo dục, nơi chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động số lượng học sinh theo từng năm học, từng địa bàn theo biến động về dân số.

d) Trong bối cảnh số lượng biên chế sự nghiệp giáo dục được giao chưa đáp ứng đủ theo định mức quy định, đồng thời vẫn tiếp tục thực hiện lộ trình tinh giản biên chế trong giai đoạn hiện nay thì việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động 111 đã góp phần quan trọng trong việc tháo gỡ khó khăn trước mắt, bổ sung kịp thời đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu, bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp, giáo viên/môn học theo quy định.

đ) Việc thực hiện tinh giản biên chế được thực hiện một cách linh hoạt, không thực hiện cào bằng, cơ học giữa các địa phương, đơn vị mà được điều chỉnh phù hợp theo vùng miền, điều kiện thực tế. Những địa phương, lĩnh vực có điều kiện thuận lợi hoặc có khả năng xã hội hóa cao thực hiện giảm tỷ lệ cao hơn để bù đắp cho những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ giảm thấp hơn; bảo đảm sự cân đối và hiệu quả trong sử dụng nguồn nhân lực.

e) Việc giữ nguyên mô hình tổ chức của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập sau khi sắp xếp địa giới hành chính cấp xã đã góp phần ổn định tổ chức; tránh xáo trộn đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi để duy trì hoạt động giảng dạy, học tập. Đồng thời, không sáp nhập cơ sở các trường học giúp các địa phương có thời gian đánh giá thực trạng, xây dựng phương án tổ chức lại trường lớp một cách khoa học, phù hợp với điều kiện địa bàn, đặc biệt là tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện khó khăn và quy mô trường lớp phân tán.

g) Việc giao quyền tự chủ về sử dụng người làm việc và hợp đồng 111 đã thúc đẩy các địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong rà soát nhu cầu, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực được giao, đồng thời tăng tính trách nhiệm trong quản lý nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với lộ trình đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a) Tình trạng thiếu hụt biên chế sự nghiệp do thực hiện chủ trương tinh giản biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục vẫn đang là vấn đề nan giải. Theo lộ trình được xác định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và chỉ đạo của Trung ương, trong giai đoạn từ năm 2022-2026 toàn tỉnh phải tiếp tục cắt giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong đó chủ yếu là biên chế sự nghiệp giáo dục chiếm khoảng 9%. Tuy nhiên, hầu hết các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh vẫn đang do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên; trong khi hoạt động xã hội hóa giáo dục chưa có cơ sở pháp lý và nguồn lực để triển khai thực hiện. Do vậy, yêu cầu tinh giản biên chế trong lĩnh vực giáo dục hiện nay chưa phù hợp với thực tiễn,

khi mà số lượng giáo viên so với định mức quy định còn thiếu nhưng vẫn phải tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bố trí giáo viên và chất lượng dạy học.

b) Mặc dù Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025, quy định miễn học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập áp dụng từ năm học 2025-2026, song đến nay Trung ương chưa ban hành hướng dẫn cụ thể về việc có tiếp tục tinh giản biên chế trong lĩnh vực giáo dục công lập trong năm 2026 hay không. Điều này khiến các địa phương lúng túng trong việc lập kế hoạch biên chế cũng như trong công tác quản lý, tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục.

c) Số lượng hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao còn hạn chế (tối đa chỉ đạt 70% so với số thiếu)⁴, mới đáp ứng một phần nhu cầu tối thiểu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục, đặc biệt ở những địa bàn có quy mô trường lớp lớn, số học sinh tăng nhanh hoặc phân tán; các trường có định hướng đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.

d) Tỷ lệ học sinh/lớp của các trường trên địa bàn tỉnh còn thấp so với mức bình quân quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Cấp tiểu học: Vùng 1: 19,1/25 học sinh trên lớp, đạt 76,5%; Vùng 2: 20,6/30 học sinh trên lớp, đạt 68,7%; Vùng 3: 28,9/35 học sinh trên lớp, đạt 82,6% .

- Cấp trung học cơ sở: Vùng 1: 32,2/35 học sinh trên lớp, đạt 91,9%; Vùng 2: 33,6/40 học sinh trên lớp, đạt 84,0%; Vùng 3: 40,1/45 học sinh trên lớp, đạt 89,1%.

- Cấp trung học phổ thông: Vùng 1: 37/35 học sinh trên lớp, đạt 105,5%; Vùng 3: 40,9/45 học sinh trên lớp, đạt 91,0%.

Nhìn chung, ngoại trừ 07 trường trung học phổ thông vùng 1, hầu hết các trường còn lại đều chưa đạt được tỷ lệ học sinh/lớp theo mức bình quân quy định, điều này làm ảnh hưởng đến khả năng phân bổ định mức giáo viên theo quy định, đặc biệt là ở cấp tiểu học và trung học cơ sở.

- Cấp mầm non: Tại các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, nhiều trường mầm non có nhiều điểm trường lẻ phân tán, sĩ số học sinh/lớp thấp, trong khi yêu cầu tổ chức chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ vẫn phải được đảm bảo. Tuy nhiên, do không thể bố trí đủ 2 giáo viên/lớp cho các điểm trường có từ 2 lớp trở lên mà phải bố trí theo số lượng trẻ, đã dẫn đến tình trạng giáo viên bị quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

đ) Mất cân đối về đội ngũ giữa các cấp học: Cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thiếu 3.260 người làm việc nhưng cấp mầm non thừa 101

⁴ Trước khi thực hiện việc hợp nhất tỉnh, cả hai địa phương Quảng Trị và Quảng Bình đã chủ động thực hiện bổ sung 70% phần chênh lệch thiếu giữa số lượng người làm việc theo định mức và chỉ tiêu được giao. Cụ thể:

- Tỉnh Quảng Trị không bổ sung đối với các vị trí việc làm giáo vụ và tư vấn học sinh;
- Tỉnh Quảng Bình không bổ sung cho toàn bộ các vị trí việc làm nhân viên.

người làm việc do số lớp, số học sinh cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tăng, trong khi cấp mầm non giảm số trẻ nhà trẻ và số cháu mẫu giáo ở một số địa bàn.

III. ĐỀ XUẤT SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG 111 CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NĂM HỌC 2025-2026

1. Về phân loại phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

a) Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại thành 4 nhóm theo mức độ tự chủ, gồm:

- Nhóm 1: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;
- Nhóm 2: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên;
- Nhóm 3: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;
- Nhóm 4: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội khóa XV, quy định: Miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2025-2026. Kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

Do đó, các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là đơn vị **nhóm 4** - đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

2. Về thời gian và số lượng được phép hợp đồng; thẩm quyền quyết định; kinh phí thực hiện; quyền lợi của hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, quy định:

a) Thời gian và số lượng được phép hợp đồng 111: Đơn vị nhóm 4 thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục ký kết hợp đồng lao động có thời gian không quá 12 tháng để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, nhưng số lượng người ký kết hợp đồng lao động chiếm không quá 70% số còn thiếu chênh lệch giữa số lượng người làm việc được giao với số lượng theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo (khoản 4 Điều 9).

b) Thẩm quyền quyết định hợp đồng 111: Số lượng hợp đồng ký kết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Người có thẩm quyền ký hợp đồng làm việc với viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức hoặc người được ủy quyền ký hợp đồng (khoản 4 Điều 9).

c) Kinh phí thực hiện hợp đồng đối với đơn vị nhóm 4: Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương (ngoài kinh phí giao tự chủ của đơn vị) (Điều d

khoản 2 Điều 12).

d) Quyền lợi của hợp đồng lao động được áp dụng tiền lương theo bảng lương viên chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi về chế độ tiền lương mới thì được áp dụng thang bảng lương mới, phụ cấp ưu đãi nghề và các chế độ khác có liên quan (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đề xuất số lượng hợp đồng 111 trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm học 2025-2026

Căn cứ các quy định nêu trên và trên cơ sở rà soát số lượng trường học, lớp học, học sinh và số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã được giao biên chế năm 2025 so với định mức quy định, đề xuất giao chỉ tiêu hợp đồng 111 để bổ sung kịp thời nhân lực cho các cơ sở giáo dục công lập, góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học trong năm học 2025-2026 như sau:

Giao chỉ tiêu hợp đồng 111 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung tương ứng **không quá 70% phần chênh lệch** giữa số lượng người làm việc theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo với số lượng người làm việc đã được giao năm 2025.

Trên cơ sở số liệu báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, đặc khu; sau khi rà soát, tổng hợp, tính định định mức số người làm việc của từng cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thì tổng số chênh lệch thiếu so với định mức là **3.159 chỉ tiêu**, trong đó có **1.178** chỉ tiêu thuộc vị trí việc làm giáo vụ và tư vấn học sinh, là các vị trí mới được quy định bổ sung tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư này cho phép các trường bố trí kiêm nhiệm hoặc hợp đồng lao động trong trường hợp chưa được giao biên chế. Do đó, trong giai đoạn hiện nay, trước mắt đề xuất chưa bố trí hợp đồng 111 cho các vị trí giáo vụ và tư vấn học sinh, mà tiếp tục bố trí kiêm nhiệm.

Như vậy, phần chênh lệch cần xem xét giao hợp đồng 111 là: **1.981** chỉ tiêu (đã trừ các vị trí giáo vụ và tư vấn học sinh của các đơn vị sự nghiệp giáo dục phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các xã, phường, đặc khu).

Căn cứ quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng trường, lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; xét đến nhu cầu nhân lực tối thiểu cần thiết và yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục trong năm học 2025-2026, đề xuất HĐND tỉnh xem xét giao **không quá 70% phần chênh lệch** giữa số lượng người làm việc theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo với số lượng người làm việc đã được

giao năm 2025 là: **1.372 chỉ tiêu**⁵ (tương ứng 69,3% phần chênh lệch) đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GD&ĐT và UBND xã, phường, đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tăng **169** chỉ tiêu so với số giao năm học 2024-2025.

(Chi tiết số lượng phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các xã, phường, đặc khu được thể hiện tại Phụ lục kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUẢN LÝ BIÊN CHẾ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC TRONG THỜI TỚI

1. Đối với tổ chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

Tiếp tục tổ chức rà soát tổng thể hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh sau khi hợp nhất đơn vị hành chính để sắp xếp khoa học, phù hợp với điều kiện địa bàn và nhu cầu học tập của người dân theo chủ trương được xác định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở có quy mô nhỏ, phân tán; giảm thiểu số lượng điểm trường lẻ nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh bình quân/lớp, bảo đảm tinh gọn bộ máy, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đồng thời giữ vững chất lượng giáo dục và bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người học. Quá trình sắp xếp cần gắn với đặc thù vùng miền, bảo đảm không gây xáo trộn lớn về địa điểm học tập, đặc biệt tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Rà soát, cơ cấu lại và sử dụng hiệu quả biên chế

a) Tiếp tục rà soát tổng thể tình hình sử dụng, bố trí biên chế tại từng cơ sở giáo dục công lập, đối chiếu với định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và số lượng người làm việc đã được giao để xác định chính xác tình trạng thừa -thiếu biên chế, mức độ phù hợp trong bố trí nhân lực, qua đó có căn cứ điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, thực hiện phân bổ lại biên chế giữa các cơ sở giáo dục theo nguyên tắc: Nơi thừa giảm, nơi thiếu bổ sung; đảm bảo sử dụng hợp lý, đúng định mức quy định, hiệu quả biên chế được giao.

c) Tại các khu vực có mật độ học sinh thấp hoặc số lượng lớp học phân tán, tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình giáo viên dạy liên trường, vừa giúp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng biên chế được giao.

d) Trong trường hợp được Trung ương bổ sung biên chế hoặc tỉnh tự cân đối

⁵ Tại Tờ trình số 392/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh và Tờ trình số 05-TTr/ĐU ngày 06/8/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh, đã đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét giao không quá 70% phần chênh lệch giữa số lượng người làm việc theo định mức của Bộ GD&ĐT với số lượng người làm việc đã được giao năm 2025 là: **1.365** chỉ tiêu theo hợp đồng 111. Tuy nhiên, theo đề nghị của UBND xã Kim Ngân tại Công văn số 294/UBND-VHXXH ngày 11/8/2025, Sở Nội vụ đã có Tờ trình số 889/TTr-SNV ngày 12/8/2025, trong đó đề xuất giao cho các trường tiêu học và THCS thuộc xã Kim Ngân thêm 07 chỉ tiêu, nâng tổng số hợp đồng 111 toàn tỉnh là **1.372** chỉ tiêu.

trong tổng số biên chế được Trung ương giao thì ưu tiên bổ sung biên chế sự nghiệp cho các trường ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục công lập

Triển khai xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, để làm cơ sở tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập một cách hiệu quả, minh bạch, tránh tình trạng vừa thiếu, vừa thừa lao động cục bộ.

4. Trình Trung ương xem xét, bổ sung số người làm việc của sự nghiệp giáo dục công lập để đáp ứng yêu cầu giảng dạy năm học 2025-2026

Trong những năm gần đây, cùng với việc tăng dân số tự nhiên và quá trình đô thị hóa, quy mô mạng lưới trường lớp và số lượng học sinh tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, đặc biệt ở các khu vực có tốc độ tăng dân số cơ học cao và khu vực ven đô thị. Tuy nhiên, số lượng người làm việc trong lĩnh vực sự nghiệp giáo dục được giao vẫn còn hạn chế, chưa theo kịp sự gia tăng về quy mô lớp học, số học sinh, đồng thời phải thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên ở các trường mầm non và phổ thông công lập, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy và việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Để đáp ứng nhu cầu dạy học. Vì vậy, cần trình Trung ương bổ sung số người làm việc của sự nghiệp giáo dục công lập để đáp ứng yêu cầu dạy và học.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định giao số lượng hợp đồng 111 chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh năm học 2025-2026 theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NV, GD&ĐT, TC;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC. *✓*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

Phục lục
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TẠI CÁC CƠ SỞ
GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP VÀ TRUNG TÂM
GDNN-GDCTX TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Tờ trình số 476 /TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		
		Tổng	Giáo viên	Nhân viên
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng cộng	1372	1265	107
1	Phường Đồng Hới	114	112	2
2	Phường Bắc Gianh	12	11	1
3	Phường Đồng Thuận	43	42	1
4	Phường Đồng Sơn	29	29	
5	Phường Đông Hà	30	30	
6	Phường Nam Đông Hà	39	32	7
7	Phường Quảng Trị	11	4	7
8	Phường Ba Đồn	39	39	
9	Xã Vĩnh Linh	0		
10	Xã Bến quan	0		
11	Xã Vĩnh Hoàng	0		
12	Xã Cửa Tùng	0		
13	Xã Vĩnh Thủy	0		
14	Xã Hiếu Giang	4	4	
15	Xã Cam Lộ	15	12	3
16	Xã Khe Sanh	0		
17	Xã Tân Lập	2	2	
18	Xã Lao Bảo	0		
19	Xã Lìa	7	7	
20	Xã A Dơi	10	6	4
21	Xã Hướng Phùng	8	8	
22	Xã Hướng Lập	15	11	4
23	Xã Hải Lăng	0		
24	Xã Diên Sanh	6	6	
25	Xã Nam Hải Lăng	16	16	
26	Xã Vĩnh Định	0		
27	Xã Mỹ Thủy	11	11	
28	Xã Gio Linh	6	4	2
29	Xã Cồn Tiên	9	8	1
30	Xã Bến Hải	0		
31	Xã Cửa Việt	7	7	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		
		Tổng	Giáo viên	Nhân viên
1	2	3	4	5
32	Xã Triệu Phong	6	2	4
33	Xã Ái Tử	5	2	3
34	Xã Triệu Bình	20	16	4
35	Xã Triệu Cơ	5	5	
36	Xã Nam Cửa Việt	7	7	
37	Xã Hướng Hiệp	1	1	
38	Xã Ba Lòng	2	2	
39	Xã Đakrông	1		1
40	Xã Tà Rụt	0		
41	Xã La Lay	1		1
42	Xã Minh Hóa	6	6	
43	Xã Kim Phú	4	4	
44	Xã Kim Điền	2	2	
45	Xã Tân Thành	2	1	1
46	Xã Dân Hóa	14	11	3
47	Xã Đồng Lê	3	3	
48	Xã Tuyên Hóa	3	3	
49	Xã Tuyên Bình	9	9	
50	Xã Tuyên Phú	2	2	
51	Xã Tuyên Sơn	11	10	1
52	Xã Tuyên Lâm	4	3	1
53	Xã Tân Gianh	1	1	
54	Xã Trung Thuần	9	9	
55	Xã Quảng Trạch	19	19	
56	Xã Hòa Trạch	33	30	3
57	Xã Phú Trạch	35	34	1
58	Xã Nam Gianh	24	24	
59	Xã Nam Ba Đồn	11	11	
60	Xã Thượng Trạch	15	13	2
61	Xã Phong Nha	62	57	5
62	Xã Bắc Trạch	58	56	2
63	Xã Đông Trạch	27	27	
64	Xã Hoàn Lão	34	34	
65	Xã Bố Trạch	38	38	
66	Xã Nam Trạch	14	14	
67	Xã Quảng Ninh	36	34	2
68	Xã Ninh Châu	27	24	3

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		
		Tổng	Giáo viên	Nhân viên
1	2	3	4	5
69	Xã Trường Ninh	22	20	2
70	Xã Trường Sơn	14	12	2
71	Xã Lệ Thủy	0		
72	Xã Cam Hồng	32	32	
73	Xã Sen Ngu	40	35	5
74	Xã Tân Mỹ	14	14	
75	Xã Trường Phú	11	10	1
76	Xã Lệ Ninh	13	13	
77	Xã Kim Ngân	7	7	
78	Đặc khu Côn Cỏ	0		
79	Sở Giáo dục và Đào tạo	235	207	28

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về quyết định số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm học 2025-2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm học 2025-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm học 2025-2026 là 1.372 chỉ tiêu (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyền lợi, thời gian hợp đồng và kinh phí thực hiện:

1. Quyền lợi của hợp đồng lao động giảng dạy tại Điều 1 được áp dụng tiền lương theo bảng lương viên chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi về chế độ tiền lương mới thì được áp dụng thang bảng lương mới, phụ cấp ưu đãi nghề và các chế độ khác có liên quan (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thời gian hợp đồng không quá 12 tháng.

3. Kinh phí thực hiện hợp đồng được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương (ngoài kinh phí giao tự chủ của đơn vị).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và quy định pháp luật liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phục lục

**SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO
DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP VÀ TRUNG TÂM GDNN-GDTX
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng
1	2	3
Tổng cộng		1372
1	Phường Đồng Hới	114
2	Phường Bắc Gianh	12
3	Phường Đồng Thuận	43
4	Phường Đồng Sơn	29
5	Phường Đông Hà	30
6	Phường Nam Đông Hà	39
7	Phường Quảng Trị	11
8	Phường Ba Đồn	39
9	Xã Vĩnh Linh	0
10	Xã Bến quan	0
11	Xã Vĩnh Hoàng	0
12	Xã Cửa Tùng	0
13	Xã Vĩnh Thủy	0
14	Xã Hiếu Giang	4
15	Xã Cam Lộ	15
16	Xã Khe Sanh	0
17	Xã Tân Lập	2
18	Xã Lao Bảo	0
19	Xã Lìa	7
20	Xã A Dơi	10
21	Xã Hướng Phùng	8
22	Xã Hướng Lập	15
23	Xã Hải Lăng	0
24	Xã Diên Sanh	6
25	Xã Nam Hải Lăng	16
26	Xã Vĩnh Định	0
27	Xã Mỹ Thủy	11
28	Xã Gio Linh	6
29	Xã Cồn Tiên	9
30	Xã Bến Hải	0
31	Xã Cửa Việt	7
32	Xã Triệu Phong	6
33	Xã Ái Tử	5

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng
1	2	3
34	Xã Triệu Bình	20
35	Xã Triệu Cơ	5
36	Xã Nam Cửa Việt	7
37	Xã Hướng Hiệp	1
38	Xã Ba Lòng	2
39	Xã Đakrông	1
40	Xã Tà Rụt	0
41	Xã La Lay	1
42	Xã Minh Hóa	6
43	Xã Kim Phú	4
44	Xã Kim Điền	2
45	Xã Tân Thành	2
46	Xã Dân Hóa	14
47	Xã Đồng Lê	3
48	Xã Tuyên Hóa	3
49	Xã Tuyên Bình	9
50	Xã Tuyên Phú	2
51	Xã Tuyên Sơn	11
52	Xã Tuyên Lâm	4
53	Xã Tân Gianh	1
54	Xã Trung Thuần	9
55	Xã Quảng Trạch	19
56	Xã Hòa Trạch	33
57	Xã Phú Trạch	35
58	Xã Nam Gianh	24
59	Xã Nam Ba Đồn	11
60	Xã Thượng Trạch	15
61	Xã Phong Nha	62
62	Xã Bắc Trạch	58
63	Xã Đông Trạch	27
64	Xã Hoàn Lão	34
65	Xã Bố Trạch	38
66	Xã Nam Trạch	14
67	Xã Quảng Ninh	36
68	Xã Ninh Châu	27
69	Xã Trường Ninh	22
70	Xã Trường Sơn	14
71	Xã Lệ Thủy	0
72	Xã Cam Hồng	32
73	Xã Sen Ngư	40
74	Xã Tân Mỹ	14

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng
1	2	3
75	Xã Trường Phú	11
76	Xã Lệ Ninh	13
77	Xã Kim Ngân	7
78	Đặc khu Côn Cỏ	0
79	Sở Giáo dục và Đào tạo	235